

Câu 1. Các lưu ý khi nghiên cứu về một vấn đề Quản lý giáo dục.

1. Khoa học Quản lý giáo dục thuộc về khoa học giáo dục, khoa học xã hội. Vì vậy, cũng như mọi khoa học giáo dục khác là quản lý giáo dục dựa trên nền tảng của tư tưởng Mác-Lênin của giai cấp vô sản. Vì vậy khi nghiên cứu bất cứ một vấn đề nào trong quản lý giáo dục đều nhận sự chỉ đạo của hệ tư tưởng vô sản và của triết học Mác-Lênin, lấy các tri thức, các kiến thức của của triết học Mác-Lênin để đánh giá, giải thích và làm sở sở cho việc nghiên cứu các vấn đề trong quản lý giáo dục.

Lý luận và thực tiễn cách mạng nước ta đã chứng minh và khẳng định sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng lãnh đạo toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có Giáo dục và Đào tạo. Giáo dục - Đào tạo là một vấn đề hết sức quan trọng trong đời sống chính trị của mỗi nước, là biểu hiện trình độ phát triển của quốc gia, nó liên quan đến nhiều lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Trải qua hơn 30 năm đổi mới, nước ta đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật, chính trị xã hội ổn định, kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt, các lĩnh vực văn hóa, khoa học kỹ thuật, giáo dục, quốc phòng an ninh đều có bước phát triển vượt bậc, trong đó lĩnh vực Giáo dục, Đào tạo luôn được Đảng ta quan tâm, chú trọng phát triển. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội của nước ta đang diễn ra trong bối cảnh hết sức phức tạp, nhiều cơ hội nhưng cũng không ít thách thức, trong đó đáng chú ý là sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, truyền thông, kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất, tính cạnh tranh ngày càng căng thẳng giữa các quốc gia, có thể nói hàm lượng chất xám “giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế, tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống”, quốc gia nào càng mạnh về đội ngũ nhân lực, càng tiên tiến về khoa học công nghệ, thì càng dễ dàng phát triển, ngược lại sẽ dễ dẫn đến nguy cơ tụt hậu. Trong bối cảnh đó, để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng, trên cơ sở đánh giá toàn diện, sâu sắc tình hình trong và ngoài nước, những thành tựu, hạn chế trong phát triển giáo dục, đào tạo thời gian qua, Đảng ta đã xác định để phát triển đất nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội, yếu tố có vai trò hết sức quan trọng là xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, coi phát triển Giáo dục - Đào tạo là ưu tiên hàng đầu. Đảng đã đề ra chủ trương, đường lối phát triển giáo dục, đào tạo với những mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ cụ thể.

Như chúng ta đã biết, trong quá trình phát triển đất nước, ngay từ khi giành được chính quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”, dù lúc này đất nước ta lâm vào hoàn cảnh hết sức khó khăn, tài chính thiếu hụt nhưng Người vẫn quan tâm đến công cuộc diệt “giặc dốt”, Đảng ta xác định Giáo dục - Đào tạo là một nhiệm vụ quan trọng của cách mạng Việt Nam lúc này. Bắt đầu từ Đại hội lần thứ IV của Đảng, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương khóa IV đã ra Nghị quyết số 14 ngày 11/01/1979 về cải cách giáo dục, trong đó xem giáo dục là bộ phận quan trọng của cuộc cách mạng tư tưởng; thực thi nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục thế hệ trẻ từ nhỏ đến lúc trưởng thành; thực hiện tốt nguyên lý giáo dục “học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội”. Đại hội Đảng lần thứ VIII một lần nữa khẳng định vai trò quan trọng của giáo dục đào tạo “Giáo dục và đào tạo phải thực sự trở thành quốc sách hàng đầu”. Coi trọng cả ba mặt của giáo dục: mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả để đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhân mạnh quan điểm hợp tác đào tạo với các nước trên thế giới. Tại Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã ra Nghị quyết 02-NQ/HNTW ngày 24/12/1996 về định hướng chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000. Đại hội Đảng lần thứ IX nêu rõ: “Phát triển giáo dục đào tạo là một trong những động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục, thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa”. Tại Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX cũng đã đề ra các nhiệm vụ để tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII.

Đại hội lần thứ X đã xác định mục tiêu giáo dục là nhằm bồi dưỡng thế hệ trẻ tinh thần yêu nước, lòng tự tôn dân tộc, lý tưởng chủ nghĩa xã hội, lòng nhân ái, ý thức tôn trọng pháp luật, tinh thần hiếu học, ý chí tiến thủ lập nghiệp, không cam chịu nghèo nàn, đào tạo lớp người lao động có kiến thức cơ bản, làm chủ năng lực nghề nghiệp, quan tâm hiệu quả thiết thực, nhạy cảm với chính trị, có ý chí vươn lên về khoa học công nghệ, đồng thời, tiếp tục khẳng định “Giáo dục và đào tạo cùng với khoa học công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Trên cơ sở kế thừa các kỳ đại hội trước, đồng thời với sự biến chuyển của tình hình thế giới, khu vực nói chung và trong nước nói riêng, nhiều nước trên thế giới bước vào cuộc

cách mạng thông tin, xây dựng nền kinh tế tri thức và xã hội tri thức, khoảng cách về trình độ kinh tế, khoa học công nghệ giữa nước ta với các nước phát triển trên thế giới, kể cả một số nước trong khu vực có xu hướng ngày càng mở rộng thêm, mà nguyên nhân quan trọng là chất lượng trí tuệ, năng lực sáng tạo và kỹ năng chuyên môn còn bất cập của nguồn nhân lực. Trên thế giới, cùng với sự phát triển của khoa học, công nghệ, lĩnh vực giáo dục cũng có sự chuyển biến mạnh mẽ, từ khi bước sang thế kỷ 21 đến nay, tư tưởng giáo dục của UNESCO “Học để biết, học để làm việc, học để làm người, học để chung sống với nhau, hướng tới một xã hội học tập” được nhiều nước hưởng ứng, trên cơ sở đó mỗi quốc gia đã có những cải cách phù hợp với điều kiện từng nước, xu thế giảng dạy đa phương tiện, áp dụng công nghệ thông tin, truyền thông vào giáo dục được các nước chú trọng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, sự tham gia ngày càng nhiều của khu vực tư và sự phát triển của giáo dục xuyên biên giới, nhiều nước trên thế giới đang thực hiện những mô hình giáo dục tiên tiến với những thay đổi lớn trong việc áp dụng phương pháp quản lý mới, tăng cường đầu tư trang thiết bị, áp dụng khoa học công nghệ mới, đề cao tính chủ động của người học, tất cả những vấn đề trên đã tạo ra bối cảnh giáo dục mới trên thế giới, cũng đặt ra cho nền giáo dục nước ta nhiều thách thức, trước những thách thức đó, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Đảng ta khẳng định “Phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư phát triển”.

Hội nghị lần thứ 8, ban chấp hành Trung ương khóa XI đã ra Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo, thể hiện cụ thể đường lối của Đảng ta trên lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Trong đó đã đưa ra những thành tựu và hạn chế, cụ thể: Về thành tựu, đã xây dựng được hệ thống giáo dục và đào tạo tương đối hoàn chỉnh từ mầm non đến đại học. Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, đào tạo được cải thiện rõ rệt và từng bước hiện đại hóa. Số lượng học sinh, sinh viên tăng nhanh, nhất là ở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. Chất lượng giáo dục và đào tạo có tiến bộ. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phát triển cả về số lượng và chất lượng với cơ cấu ngày càng hợp lý.

2. Dù ở mức độ nào, nghiên cứu khoa học (NCKH) cũng đều hướng đến con người, vì con người, hay nói rộng ra, thành công hay thất bại, giá trị hay không giá trị, hiện đại hay lỗi thời trong các sản phẩm nghiên cứu cũng ảnh hưởng tới đời sống con người, xã hội. Cần xác định, xã hội đang cần gì, đang trông cậy đòi hỏi gì vào các nhà nghiên cứu, vào sản phẩm khoa học và công nghệ.

Nhu cầu là khái niệm chỉ sự đòi hỏi, khao khát về mặt tâm lý và vật chất của con người, phản ánh tâm lý tồn sinh và phát triển của loài người. NCKH theo nhu cầu xã hội được coi là nhiệm vụ cấp bách, sống còn đặt ra đối với tất cả ngành khoa học ở mọi quốc gia. NCKH theo nhu cầu xã hội mang ý nghĩa nhân văn, nhân sinh, phản ánh sự gắn kết NCKH với nhu cầu kinh tế - xã hội, gắn kết nhà khoa học và người dân. Trong phạm vi của lĩnh vực giáo dục và đào tạo, NCKH Quản lý giáo dục (QLGD) là một ngành nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học quản lý nhà nước, phục vụ giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực lao động hiện đại, đáp ứng mục tiêu phát triển toàn diện và bền vững của đất nước. Cho nên, NCKH QLGD không chỉ mang tính lý luận, lý thuyết vạch đường cho chiến lược, tổ chức, quá trình dạy học và QLGD mà còn mang tính thực tiễn, ứng dụng cao, đáp ứng phù hợp nhu cầu của người học và xã hội.

NCKH QLGD theo nhu cầu xã hội là nói đến mối quan hệ cung - cầu giữa hoạt động NCKH QLGD với môi trường kinh tế - xã hội, những tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm nghiên cứu. Tức là, phải đánh giá đúng nhu cầu của người học, của trường học, của cán bộ QLGD, của ngành giáo dục và toàn xã hội. Đơn vị NCKH QLGD nói chung làm đầu mối cung cấp ra “thị trường” sản phẩm, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày một khó tính của khách hàng. Bởi đây là thị trường đặc biệt, người sử dụng sản phẩm nói chung là “tinh khôn”, không chấp nhận hàng thứ cấp.

Thực tế đòi hỏi, nếu không cải tiến, đổi mới triệt để hơn nữa về lãnh đạo quản lý, tổ chức hoạt động NCKH thì không thể có sản phẩm chất lượng cao, không thể đáp ứng nhu cầu của ngành và xã hội. Đã đến lúc tự bản thân mỗi cơ sở nghiên cứu phải xác định, nếu không đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu, đầu tư, phát triển đội ngũ có chất lượng để khẳng định danh hiệu và thương hiệu; môi trường không hấp dẫn đối với đối tượng người học, sản phẩm nghiên cứu không đáp ứng nhu cầu thực tiễn thì sẽ bị tự đào thải, hoặc thu hẹp tầm ảnh hưởng, hoạt động trong ngành và xã hội.

Cần tiến hành nghiên cứu, khảo sát, đánh giá chính xác thực trạng hoạt động giáo dục và đào tạo ở mọi cấp học, các yếu tố trong và ngoài nhà trường để đưa ra những dự báo, kế hoạch nghiên cứu khoa học sát với thực tiễn. Cũng giống như nhiều ngành nghiên cứu khác, NCKH QLGD cũng cần đi trước một bước so với thực tiễn, vừa phải phục vụ yêu cầu hiện tại vừa dự báo chính xác để đáp ứng nhu cầu tương lai.

Từ chiến lược phát triển NCKH và thế mạnh của đơn vị, cơ sở để xây dựng các chương trình, kế hoạch NCKH QLGD phù hợp; tùy theo mức độ để tập trung ưu tiên những vấn đề mà ngành và thực tế hoạt động QLGD đang đòi hỏi.

Nhu cầu luôn tồn tại trong con người, xã hội. Đòi hỏi của người học, của xã hội vào NCKH nói chung và khoa học QLGD nói riêng như là một quy luật tất yếu về sự phát triển không ngừng của giáo dục và đào tạo. Khoa học công nghệ đã và đang thực hiện sứ

mệnh hoàn hảo, làm thay đổi cuộc sống con người, tạo ra những chế định mới trong mối quan hệ xã hội. Và, khoa học giáo dục, QLGD cũng đã hòa nhập cùng sứ mệnh đó hằng hy vọng mang đến sự đổi thay kì diệu trong giáo dục và đào tạo nhằm phát triển và hoàn thiện nhân cách người học, gia tăng hàm lượng văn hóa trong sản phẩm giáo dục.

Giá trị cung- cầu trong giáo dục liên quan đến những khái niệm như: thị trường giáo dục, marketing giáo dục, dịch vụ giáo dục,... đều là những khái niệm mới ở nước ta rất cần được nghiên cứu và bàn bạc kỹ lưỡng. Để NCKH QLGD tiếp cận được thị trường giáo dục, đáp ứng nhu cầu xã hội nên chăng giải quyết tốt những yếu tố hòa hợp cơ bản như: nhu cầu của xã hội và khả năng đáp ứng của các cơ sở đào tạo, nghiên cứu; năng lực, trình độ và khả năng thích ứng của các nhà khoa học và cơ sở đào tạo, nghiên cứu với đòi hỏi của thực tế; kế hoạch chiến lược phát triển NCKH với dự báo nhu cầu xã hội; hệ thống cơ chế, tổ chức, quản lý NCKH với chế độ, chính sách, khuyến khích NCKH...

Chi ngân sách cho giáo dục và đào tạo đạt mức 20% tổng chi ngân sách Nhà nước. Xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh; hệ thống giáo dục và đào tạo ngoài công lập góp phần đáng kể vào phát triển giáo dục và đào tạo chung của toàn xã hội. Công tác quản lý giáo dục và đào tạo có bước chuyển biến nhất định. Cả nước đã hoàn thành mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000, phổ cập trung học cơ sở vào năm 2010, đang tiến tới giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; củng cố và nâng cao kết quả xóa mù chữ cho người lớn. Cơ hội tiếp cận giáo dục có nhiều tiến bộ, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách; cơ bản bảo đảm bình đẳng giới trong giáo dục và đào tạo. Về hạn chế, chất lượng và hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Hệ thống giáo dục và đào tạo thiếu liên thông giữa các trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo; còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành. Đào tạo thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động; chưa chú trọng đúng mức việc giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng làm việc. Phương pháp giáo dục, việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả còn lạc hậu, thiếu thực chất. Quản lý giáo dục và đào tạo còn nhiều yếu kém. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu; một bộ phận chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục, thiếu tâm huyết, thậm chí vi phạm đạo đức nghề nghiệp. Đầu tư cho giáo dục, đào tạo chưa hiệu quả, chính sách,

cơ chế tài chính cho giáo dục và đào tạo chưa phù hợp. Cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu và lạc hậu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, khóa XI cũng đề ra mục tiêu tổng quát trong đổi mới giáo dục và đào tạo: “Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả. Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực”. Trong giai đoạn hiện nay, Đảng ta xác định những phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu đối với việc phát triển giáo dục và đào tạo bao gồm: - Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, phương pháp thi, kiểm tra theo hướng hiện đại; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng, giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, tác phong công nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội. - Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng. Đề cao trách nhiệm của gia đình và xã hội phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong giáo dục thế hệ trẻ. Tiếp tục phát triển và nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các cơ sở giáo dục, đào tạo. Đầu tư hợp lý, có hiệu quả xây dựng một số cơ sở giáo dục, đào tạo đạt trình độ quốc tế. - Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi; đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ, văn hóa đầu đàn; đội ngũ doanh nhân và lao động lành nghề. Đẩy mạnh đào tạo nghề theo nhu cầu phát triển của xã hội; có cơ chế và chính sách thiết lập mối liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp với cơ sở đào tạo. Xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực cho các ngành, lĩnh vực mũi nhọn, đồng thời chú trọng đào tạo nghề cho nông dân, đặc biệt đối với người bị thu hồi đất; nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo. Quan tâm hơn tới phát triển giáo dục, đào tạo ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Bảo đảm công bằng xã hội trong giáo dục; thực hiện tốt chính sách ưu đãi, hỗ trợ với người và gia đình có công, đồng bào dân tộc thiểu số, học sinh giỏi, học sinh nghèo, học sinh khuyết tật, giáo viên công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều khó khăn. - Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, đào tạo trên tinh thần tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm

của các cơ sở giáo dục, đào tạo. Thực hiện hợp lý cơ chế tự chủ đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo gắn với đổi mới cơ chế tài chính. Làm tốt công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển, quản lý mục tiêu, chất lượng giáo dục, đào tạo. Phát triển hệ thống kiểm định, triển khai kiểm định và công bố công khai kết quả kiểm định chất lượng giáo dục, đào tạo; tổ chức xếp hạng cơ sở giáo dục, đào tạo. Tăng cường công tác thanh tra, kiên quyết khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong giáo dục, đào tạo. Hoàn thiện cơ chế, chính sách xã hội hóa giáo dục, đào tạo trên cả ba phương diện: Động viên các nguồn lực trong xã hội; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng; khuyến khích các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện để người dân được học tập suốt đời. Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục - đào tạo. Như vậy, trước những diễn biến hết sức phức tạp của tình hình thế giới, tình hình trong nước, cùng với sự đánh giá một cách khách quan, toàn diện về lĩnh vực giáo dục, đào tạo ở nước ta trong thời gian vừa qua và yêu cầu của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta vẫn luôn kiên định định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục, đào tạo, coi phát triển giáo dục là ưu tiên hàng đầu, gắn liền phát triển giáo dục với phát triển các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, Đảng ta đã đưa ra định hướng đổi mới giáo dục và đào tạo với những nội dung cụ thể nhằm khắc phục những hạn chế trong thời gian qua, đồng thời bám sát diễn biến tình hình hiện nay, có kế thừa những giá trị cũ, nhưng vẫn coi trọng tiếp thu tinh hoa của thế giới, coi trọng việc hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo. Hiện nay, để phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể của Đảng và Nhà nước ta cần thường xuyên tổ chức học tập, quán triệt sâu sắc các chủ trương, đường lối của Đảng về giáo dục, đào tạo, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên và từng người dân hiểu rõ và thực hiện nghiêm túc./.

3. Tính nhất quán trong ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo

Một là, kế thừa các văn kiện quan trọng của Đảng trong các giai đoạn trước đây, Cương lĩnh (bổ sung và phát triển năm 2011) đã đưa ra những quan điểm, định hướng lớn về phát triển giáo dục và đào tạo, chỉ rõ: “ Phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư cho phát triển. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội”[1]. Các quan điểm trên không chỉ thể hiện sự phát triển về tư duy, nhận thức, kế thừa chủ trương nhất quán của Đảng ta qua các giai đoạn lịch sử, coi trọng sự nghiệp giáo

dục và đào tạo, vừa là vấn đề mang tính chiến lược xuyên suốt, bám sát xu thế phát triển của nhân loại, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, luôn đặt ra yêu cầu phải tiếp tục đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Hai là, Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội 2010-2020 xác định: ” Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu. Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, trong đó, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý là khâu then chốt”[2]. Các văn kiện quan trọng khác của Đảng, Nhà nước trong nhiệm kỳ đại hội XI, XII tiếp tục cụ thể hóa chủ trương đổi mới giáo dục và đào tạo. Hội nghị TW 6, khóa XI khẳng định:“ Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là một yêu cầu khách quan và cấp bách”, đòi hỏi phải: đổi mới tư duy, đổi mới mục tiêu đào tạo; hệ thống tổ chức, loại hình giáo dục và đào tạo; nội dung, phương pháp dạy và học; cơ chế quản lý; xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất, nguồn lực, điều kiện đảm bảo.., trong toàn hệ thống, tiếp tục cần được cụ thể hóa trong từng giai đoạn.

Ba là, thành tựu sau 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, đặc biệt là 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011, giáo dục và đào tạo nước ta đã có những chuyển biến tích cực. Chất lượng từng bước được nâng lên, hệ thống giáo dục quốc dân tiếp tục được hoàn thiện; mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo tiếp tục được mở rộng ở tất cả các cấp học, bậc học, ngành học. Vai trò, vị trí các cơ sở giáo dục, nhất là giáo dục đại học trong hệ thống dần được khẳng định, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm được đề cao; chất lượng đào tạo từng bước được cải thiện, hệ thống chương trình đã được đổi mới, chú trọng phát triển các phẩm chất, năng lực cho học sinh; phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực cũng được chú trọng. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên được đẩy mạnh... Chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế các khuyết tật của cơ chế thị trường, đảm bảo định hướng XHCN trong giáo dục và đào tạo. Hợp tác quốc tế được tăng cường theo hướng chủ động, tích cực đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành giáo dục, cũng như yêu cầu phát triển bền vững, hội nhập quốc tế của đất nước.

Nhờ những kết quả trên, quy mô nguồn nhân lực được mở rộng, lực lượng lao động tăng từ 50,4 triệu người năm 2010 lên khoảng 54,6 triệu người năm 2020 với cơ cấu hợp lý hơn, chất lượng nguồn nhân lực được cải thiện đáng kể, phù hợp với nhu cầu thị trường. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 40% năm 2010 lên 64% năm 2020. Trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ tăng từ 14,6% năm 2010 lên 24,5% vào năm 2020[3].

Bốn là, Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong phát triển giáo dục và đào tạo, như nhận thức về triết lý giáo dục Việt Nam trong thời kỳ mới, vai trò và sứ mạng của giáo dục chưa đủ sâu sắc, chưa làm rõ được tính ưu việt của nền giáo dục cách mạng, theo định hướng XHCN. Việc đổi mới phương pháp dạy học, sử dụng các phương tiện, công cụ hiện đại, đặc biệt là công nghệ thông tin chưa thực sự hiệu quả; vấn đề rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng học tập, kỹ năng giải quyết vấn đề ở một số nhà trường vẫn chưa thật sự được chú trọng. Nội dung chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy ở nhiều cơ sở giáo dục đại học chưa được hiện đại hóa tương xứng, còn nặng về lý thuyết, nhẹ thực hành, chưa thực sự chú ý kỹ năng mềm cho người học. Đầu tư cho giáo dục chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Công tác quản lý cơ sở giáo dục nước ngoài, cơ sở liên kết giáo dục còn gặp nhiều khó khăn. Chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao tuy đã được cải thiện, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước...

Năm là, những kết quả và hạn chế trong giáo dục và đào tạo của nhiệm kỳ Đại hội XII đòi hỏi phải tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng. Một số kết quả chính như: mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo tiếp tục được mở rộng về quy mô. Việt Nam là quốc gia luôn ưu tiên đầu tư cho giáo dục, 5 năm 2016-2021, ngân sách nhà nước chi cho lĩnh vực này đạt khoảng 20% tổng chi ngân sách. Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới được ban hành và đang tích cực triển khai; phương pháp giảng dạy và học tập có bước đổi mới. Giáo dục mầm non đạt chuẩn phổ cập cho trẻ em 5 tuổi và giáo dục phổ thông có chuyển biến tốt, được thế giới công nhận. Công tác thi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực chất, hiệu quả hơn. Quản lý, quản trị đại học có bước đổi mới, chất lượng giáo dục đại học từng bước được nâng lên. Giáo dục nghề nghiệp có nhiều chuyển biến. Cơ chế, chính sách tài chính cho giáo dục và đào tạo từng bước đổi mới. Cơ chế tự chủ, cơ chế cung ứng dịch vụ công trong giáo dục và đào tạo được thể chế hoá và đạt kết quả bước đầu. Hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo tiếp tục được mở rộng. Trong thời gian dịch bệnh Covid-19, ngành giáo dục và đào tạo đã tiếp cận dạy và học qua internet, truyền hình với nhiều hình thức khác nhau.

Bên cạnh đó, vẫn còn những hạn chế, yếu kém cần sớm khắc phục như: đổi mới tư duy, hoạt động giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra; một số nhiệm vụ, giải pháp đổi mới còn thiếu hệ thống, chưa ổn định. Chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo chưa cao. Hệ thống giáo dục và đào tạo chưa đảm bảo tính đồng bộ và liên thông giữa các trình độ, các phương thức đào tạo; nội dung, chương trình vẫn còn nặng lý thuyết,

nhẹ về thực hành. Đào tạo vẫn thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động. Chưa chú trọng đúng mức đến phát triển phẩm chất và kỹ năng người học. Giáo dục “ làm người”, đạo đức, lối sống còn bị xem nhẹ. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, trên một số mặt vẫn còn bất cập về số lượng và chất lượng. Quản lý nhà nước, quản lý- quản trị nhà trường còn nhiều hạn chế...

4. Nội dung cơ bản của những điểm mới

Thứ nhất, về đề mục, các văn kiện lần này, như trong Báo cáo Chính trị tập trung đề cập đến giáo dục và đào tạo ở mục V, so với Đại hội XII, tên đề mục đã thay cụm từ ” phát triển” bằng cụm từ “ nâng cao” chất lượng nguồn nhân lực và thêm cụm từ ” phát triển con người”. Trong Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội giai đoạn 2021-2030, vấn đề này được đề cập ở tiểu mục 3, phần V, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế- xã hội, với tiêu đề: phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Điểm mới lần này, trực tiếp đề cập đến giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, trước đây chỉ nhấn mạnh “phát triển nhanh giáo dục và đào tạo”.

Thứ hai, tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của giáo dục và đào tạo, yêu cầu phải “Xây dựng đồng bộ thể chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước”[4]. Trước đây chỉ đề cập phương hướng chung: “giáo dục là quốc sách hàng đầu”. Văn kiện lần này yêu cầu xác định rõ mục tiêu của giáo dục và đào tạo trong giai đoạn tới, nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc và “Chú trọng giáo dục phẩm chất, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, khơi dậy khát vọng phát triển, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”[5]. Gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, nâng cao tầm vóc con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ ba, nhân mạnh, giáo dục và đào tạo thích ứng với Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, do vậy phải đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. Phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực số, nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp; nhân lực quản lý xã hội và tổ chức cuộc sống, chăm sóc con người. Trước đây chỉ đề cập: “chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài; đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức”, điểm mới lần này nhấn mạnh đổi mới chế độ tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đặc biệt, chú ý phát hiện, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút nhân tài cho phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt; bảo đảm thống nhất với chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nhất là ở nông thôn; giảm tỉ lệ lao động khu vực phi chính thức. Hình thành đội ngũ lao động lành nghề, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và sử dụng lao động.

Thứ tư, cụ thể hóa yêu cầu hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân, sắp xếp lại hệ thống trường học, phát triển hài hoà giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng, miền, ưu tiên các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo và các đối tượng chính sách. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Đặc biệt chú trọng giáo dục mầm non, tiểu học trong điều kiện mới, tạo tiền đề và bảo đảm điều kiện thuận lợi, để mỗi người dân đều được thụ hưởng một cách công bằng thành quả của nền giáo dục. Thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời. Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục.

Thực hiện cơ chế tự chủ đối với đào tạo bậc đại học phù hợp với xu thế chung của thế giới. Có chính sách đột phá phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục đại học. “Có cơ chế hỗ trợ xây dựng một số trường đại học lớn và đại học sư phạm trở thành những trung tâm đào tạo có uy tín trong khu vực và thế giới”. [6] Thúc đẩy phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao. Xây dựng các cơ chế, chính sách và giải pháp để đào tạo lại lực lượng lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Thứ năm, tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo, như: thực hiện phổ cập giáo dục mầm non và giáo dục tiểu học bắt buộc. Đưa vào chương trình giáo dục phổ thông nội dung kỹ năng số và ngoại ngữ tối thiểu, chú trọng xây dựng nền tảng kỹ năng nhận thức và hành vi cho học sinh phổ thông. Nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy và

học ngoại ngữ, coi trọng dạy, học và sử dụng tiếng Anh. Đẩy mạnh phân luồng sau trung học cơ sở; định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông. Giảm tỉ lệ mù chữ ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số. Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo. Nghiên cứu để hoàn thiện, ổn định hệ thống sách giáo khoa và chế độ thi cử ở các cấp học.

Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý dạy và học trực tuyến, qua Internet, truyền hình, các hoạt động xã hội, ngoại khoá, nghiên cứu khoa học; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. ”Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế”[7].

Thứ sáu, xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển giáo dục Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, “Lấy chất lượng và hiệu quả đầu ra làm thước đo. Xây dựng và triển khai thực hiện lộ trình tiến tới miễn học phí đối với học sinh phổ thông, trước hết là đối với học sinh tiểu học và trung học cơ sở”[8]. Đồng thời, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển các cơ sở đào tạo ngoài công lập phù hợp với xu thế của thế giới và điều kiện của Việt Nam trên cơ sở bảo đảm công bằng xã hội và các giá trị cơ bản của định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhấn mạnh hơn yêu cầu thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội trong giáo dục và đào tạo. Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ một số trường phổ thông tại các đô thị lớn, các nơi có điều kiện; thí điểm cơ chế cho thuê một số cơ sở giáo dục sẵn có theo nguyên tắc bảo đảm tất cả học sinh được đến trường.

Thứ bảy, tiếp tục hoàn thiện các khâu, các yếu tố của quá trình đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh đổi mới đồng bộ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý và quản trị nghiệp vụ chuyên môn trong giáo dục và đào tạo, từng bước thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục và đào tạo. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kiên quyết khắc phục bệnh thành tích, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các tiêu cực trong giáo dục và đào tạo. Hoàn thiện và thực hiện ổn định các phương thức đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục và đào tạo, thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng và đào tạo nghề. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả chiến lược hợp tác và hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo.

Thứ tám, đặt ra mục tiêu Việt Nam tham gia thị trường đào tạo nhân lực quốc tế, vì vậy yêu cầu hoàn thiện cơ chế, chính sách để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của các cơ sở giáo dục và đào tạo. ‘Gắn kết chặt chẽ giáo dục và đào tạo với nghiên cứu, triển khai, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ mới; hình thành các trung tâm nghiên cứu xuất sắc, các nhóm đổi mới sáng tạo mạnh”[9]. Thực hiện đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động. Cùng với đề cao vị trí, vai trò và trách nhiệm xã hội, cần đổi mới mạnh mẽ chính sách đãi ngộ, chăm lo xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt, sắp xếp, đổi mới căn bản hệ thống các cơ sở đào tạo sư phạm, thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách và giải pháp để cải thiện mức sống, nâng cao trình độ và chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Có thể khẳng định, những điểm mới trong các văn kiện lần này có ý nghĩa hết sức quan trọng, thể hiện vai trò to lớn trong định hướng phát triển đất nước, ở thời điểm chuẩn bị kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng, Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Để đạt được mục tiêu đó, vai trò của giáo dục và đào tạo có vị trí then chốt, vì thế những điểm mới về các vấn đề này trong các văn kiện Đại hội XIII có nhiều ý nghĩa sâu sắc:

- Khẳng định tính kế thừa, sự nhất quán trong quan điểm của Đảng ta coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu để Việt Nam phát triển nhanh và bền vững, thực hiện khát vọng phát triển đất nước trong thời gian tới.
- Thể hiện sự nhanh nhạy của Đảng, Nhà nước Việt Nam, thích ứng với xu thế thời đại, tiếp thu những tinh hoa của nhân loại, thành tựu của giáo dục và đào tạo trên thế giới, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.
- Tiếp tục làm sáng tỏ hệ thống lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có lộ trình và bước đi phù hợp, lấy con người là trung tâm, trên nền tảng của sự phát triển giáo dục và đào tạo.